

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/DS-ST

Ngày: 16 – 6 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự hội và vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Minh

Ông Phạm Văn Liệt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Thanh Trường Giang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 6 năm 2021, 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng hội, vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đỗ Thị L, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1 Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2 Lý Thanh P, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tuyến dân cư B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người làm chứng:*

3.1 Phan Thị D, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Phan Thị G, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Bà Đỗ Thị L trình bày:

Bà Đỗ Thị L là chủ hội đầu thảo dây hội mở mỗi tháng một lần. Bà Nguyễn Thị H cùng chồng là ông Lý Thanh P có tham gia 03 dây hội, 02 phần/dây, gồm 02 dây 2.000.000đ và 01 dây 5.000.000đ, danh sách hội viên mang tên “Chị Tư H”.

Trong các dây hội trên, bà H đều hót hội sớm, bà L có ghi chép sổ theo dõi và giao nộp tiền hót hội của bà H và ông P có ký nhận tiền. Những kỳ mở hội tiếp theo, vợ chồng bà H có đóng một số lần hội chết, nhưng sau đó thì không đóng nữa. Vì giữ chữ tín, duy trì đến mãi các dây hội, do đó bà L phải xuất tiền của gia đình đóng hội chết thay cho bà H ông P. Các dây hội bà H và ông P tham gia được thể hiện cụ thể như sau:

- Dây hội 1: Loại hội 2.000.000đ, mở mỗi tháng một lần, gồm có 22 phần, bà H tham gia 02 phần. Hội mở lần đầu ngày 25/01/2018 (âl). Qua lần mở hội thứ 4 thì bà H hót phần thứ nhất. Sau khi trừ các khoản nợ, bà L giao cho bà H nhận số tiền là 32.710.000đ. Đến ngày 25/8/2018 (âl), bà H hót thêm phần thứ hai. Sau khi trừ các khoản nợ cũ, số tiền còn lại bà L giao cho bà H nhận đủ một lần. Dây hội này đã mãn ngày 25/10/2019 (âl), vợ chồng bà H còn nợ bà L kỳ cuối chưa đóng hội chết là 4.000.000đ (2.000.000đ x 02 phần).

- Dây hội 2: Loại hội 2.000.000đ, mở mỗi tháng một lần, gồm có 20 phần, bà H tham gia 02 phần. Hội mở lần đầu ngày 20/10/2018 (âl). Qua lần mở hội thứ tư nhằm ngày 20/01/2019 (âl), bà H hót phần thứ nhất. Sau khi trừ các khoản nợ, tiền hoa hồng và chân hội sống, bà L giao cho bà H ký nhận số tiền là 29.750.000đ. Đến lần thứ tám nhằm ngày 20/5/2019 (âl), bà H hót thêm phần thứ hai. Sau khi trừ các khoản nợ cũ, số tiền còn lại bà L giao cho bà H ký nhận là 25.500.000đ. Dây hội này bà H có đóng hội chết đến lần thứ 12. Từ ngày 20/10/2019 (âl) đến nay là 08 lần bà H không đóng hội chết, số tiền bà H ông P còn nợ bà L trong dây hội này là 02 phần, thành tiền là 32.000.000đ (4.000.000đ x 08 lần).

- Dây hội 3: Loại hội 5.000.000đ, mở mỗi tháng một lần, gồm có 20 phần, bà H tham gia 02 phần. Hội mở lần đầu ngày 15/3/2019 (âl). Bà H bỏ thăm 700.000đ hót phần thứ nhất. Sau khi trừ các khoản nợ, tiền hoa hồng và chân hội sống, bà L giao cho bà H ký nhận số tiền 61.700.000đ. Đến lần thứ ba nhằm ngày 15/11/2019 (âl), bà H bỏ thăm 850.000đ hót thêm phần thứ hai. Sau khi trừ các khoản nợ cũ, số tiền còn lại bà L giao cho bà H ký nhận là 73.550.000đ. Dây hội này bà H có đóng hội chết đến lần thứ 7. Từ ngày 15/10/2019 (âl) đến nay bà H không đóng hội chết. Tính đến ngày 15/9/2020 (âl), dây hội này mãn 13 lần. Tổng số tiền bà H ông P còn nợ bà L là 02 phần, thành tiền là 130.000.000đ (10.000.000đ x 13 lần).

Ngoài ra, bà H ông P còn nợ tiền lãi của khoản vay vốn làm ăn 80.000.000đ tính từ ngày 15/10/2019 (âl) đến ngày 28/12/2019 (âl), lãi suất 3%/tháng là

4.800.000đ (đã giảm 40.000đ) và tiền lãi do chậm trả của tiền nợ hụi giữa bà L và bà H có thỏa thuận trước là 2.400.000đ.

Như vậy, tổng cộng tiền hụi và tiền lãi vợ chồng bà H, ông P còn nợ bà L là 173.200.000đ.

Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu bà H và ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi và tiền lãi còn nợ là 173.200.000đ.

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà H, ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi 166.000.000đ và tiền lãi của số tiền vay 80.000.000đ tính từ ngày 15/10/2019 (âl) đến ngày 28/12/2019 (âl) theo quy định pháp luật, tiền lãi đã trả trừ vào tiền lãi, không yêu cầu tính lãi do chậm trả tiền. Đồng thời, bà L xin rút yêu cầu về tiền lãi tiền nợ hụi là 2.400.000đ.

*- Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về tiền hụi, bà H có tham gia hụi do bà L làm chủ hụi từ khoảng năm 2018. Tổng cộng bà H tham gia của bà L 04 dây hụi, gồm có 02 dây hụi 2.000.000đ/dây 02 dây hụi 5.000.000đ/dây. Bà H đã hốt hết 04 dây hụi này, đã đóng được 02 dây, còn lại 02 dây gồm dây 2.000.000đ mở ngày 20 (không xác định được thời gian cụ thể) và dây 5.000.000đ mở ngày 15 (không xác định được thời gian cụ thể).

Bà H tham gia 02 phần đối với dây hụi 2.000.000đ mở ngày 20. Nay bà H còn nợ tiền hụi chết chưa đóng dây hụi này cho bà L là 02 lần hụi chết chưa đóng là 04 phần, thành tiền là 8.000.000đ.

Bà H tham gia 02 phần đối với dây hụi 5.000.000đ mở ngày 15. Nay bà H còn nợ tiền hụi chết chưa đóng dây hụi này cho bà L là 09 lần hụi chết chưa đóng là 18 phần, thành tiền là 90.000.000đ, đã trả được 45.000.000đ, còn nợ lại 45.000.000đ. Việc bà H trả nợ hụi cho bà L số tiền 45.000.000đ nêu trên hai bên không có lập thành biên nhận.

Đối với các dây hụi bà H đã tham gia và còn nợ hụi chết thì bà H và chồng là ông Lý Thanh P đều có nhận tiền hốt hụi. Khi bà H đi làm không có ở nhà thì ông P nhận thay bà H. Ông P nhận tiền xong thì giao tiền này lại cho bà H. Mục đích bà H tham gia hụi của bà L là để bà có vốn làm ăn cho gia đình. Bà H và ông P kết hôn, chung sống với nhau năm 1985, không có đăng ký kết hôn do không am hiểu về pháp luật. Đến năm 2020 thì vợ chồng quyết định ly hôn được tòa án chấp nhận theo Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST, ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Về tiền lãi, đối với nợ tiền lãi của khoản vay vốn làm ăn là 4.8000.000đ thì bà H đồng ý cùng ông P liên đới trả cho bà L; đối với tiền lãi do chậm trả của tiền nợ hụi giữa bà L và bà H có thỏa thuận trước là 2.400.000đ là do bà L trình bày chứ bà H không có thỏa thuận về khoản nợ này nên không đồng ý trả.

Nay theo nội dung đơn khởi kiện của bà L:

Về tiền hụi:

- Dây hui 1: Bà H không thống nhất vì bà không có tham gia và không có nợ hui chết của bà L nên không đồng ý trả số tiền nợ hui 4.000.000đ;

- Dây hui 2: Bà H đồng ý cùng ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ hui là 8.000.000đ;

- Dây hui 3: Bà H đồng ý cùng ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ hui là 45.000.000đ.

Về tiền lãi: Bà H đồng ý còn nợ bà L tiền lãi của khoản vay vốn làm ăn là 4.800.000đ, không đồng ý đối với tiền lãi tiền hui 2.400.000đ.

Tổng cộng, tiền nợ hui và lãi nêu trên là 57.800.000đ. Tuy nhiên, bà H thống nhất với nội dung thể hiện trong Tờ giấy ghi nhận bằng bút mực xanh và mực đỏ về việc giao, nhận tiền hui có đề ngày “*Tín 5.2.2020*”, theo đó bà H, ông P còn nợ bà L tiền nợ hui là 64.800.000đ và tiền nợ lãi của khoản vay vốn làm ăn là 4.800.000đ, tổng cộng là 69.600.000đ nên bà đồng ý cùng ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền tổng cộng 69.600.000đ.

Tại phiên tòa:

Về tiền hui, bà H thống nhất có tham gia 03 dây hui theo yêu cầu khởi kiện của bà L, mỗi dây hui bà tham gia 02 phần. Đối với các dây hui này, bà H thống nhất còn nợ tiền hui Dây 1 là 4.000.000đ, Dây 2 là 32.000.000đ, đối với Dây 3 bà còn nợ tiền hui chưa đóng là 09 lần hui chết của 02 phần hui số tiền 90.000.000đ, tổng cộng là 126.000.000đ.

Về tiền lãi, bà H thống nhất có vay của bà L 80.000.000đ vào ngày 15/10/2019 (âl), lãi suất 3%/tháng, đến ngày 28/12/2019 (âl) bà H trả được cho bà L tiền vốn 80.000.000đ, tiền lãi 1.000.000đ. Nay bà H đồng ý trả cho bà L tiền lãi còn thiếu của số tiền vay này theo quy định pháp luật.

Vì bà H sử dụng tiền hui và tiền vay vào công việc làm ăn kinh tế cho gia đình khi bà và ông P còn là vợ chồng, nên bà H đồng ý cùng ông P có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui và nợ lãi nêu trên cho bà L.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Thanh P đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông P không có văn bản ghi ý kiến về việc bà L yêu cầu có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả nợ, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

#### **\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn và bị đơn bà H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn ông P chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70

và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 471, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H, ông P có trách nhiệm liên đới trả tiền hui và tiền vay cụ thể: Trả tiền hui 166.000.000đ và tiền lãi của số tiền vay 80.000.000đ theo quy định pháp luật, tiền lãi đã đóng trừ vào tiền lãi.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Giấy xác nhận của Công an thị trấn Thanh Bình về nơi cư trú của ông P, ngày 14/4/2021 (bản chính);
- Biên bản lấy lời khai bà L, bà H.
- Biên bản lấy lời khai người làm chứng Phan Thị D.

*Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:* Bị đơn bà H thừa nhận có tham gia và đã hốt các phần hui của 03 dây hui, còn nợ lãi tiền vay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông P đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án, đồng thời không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự hui, vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị H cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, ông Lý Thanh P cư trú tại T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lý Thanh P được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Đỗ Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Lý Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền còn nợ hui 166.000.000đ và tiền lãi của số tiền vay 80.000.000đ tính từ ngày 15/10/2019 (âl) đến ngày 28/12/2019 (âl) theo quy định pháp luật, tiền lãi đã trả trừ vào tiền lãi, không yêu cầu tính lãi do chậm trả tiền. Đồng thời, bà L xin rút yêu cầu về tiền lãi của tiền nợ hui là 2.400.000đ.

Xét thấy:

Về tiền hui, vào năm 2018 và 2019 bà L có làm chủ 03 dây hui gồm:

1) Dây 2.000.000đ, 01 tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 25/01/2018 (âl) gồm có 22 phần, trong đó bà H tham gia 02 phần.

- Ngày 25/4/2018 (âl) bà H hốt 01 phần hụi (bà H bỏ số tiền hốt hụi là 370.000đ, trừ tiền một phần hụi sống 1.630.000đ và tiền huê hồng 1.000.000đ/phần), số tiền hốt được 32.710.000đ.

- Đến ngày 25/8/2018 (âl), bà H hốt phần hụi thứ hai (bà H bỏ số tiền hốt hụi là 350.000đ, trừ tiền một phần hụi chết là 2.000.000đ và tiền huê hồng 1.000.000đ/phần; trừ tiền hụi chết của dây hụi 5.000.000đ/tháng mở ngày 19/7/2017 (âl) với số tiền nợ là 10.000.000đ của 02 phần hụi chết chưa đóng ở lần khai hụi thứ 14; đồng thời, trừ tiền hụi chết của dây hụi 2.000.000đ/tháng mở ngày 15/02/2017 (âl) với số tiền nợ là 24.000.000đ của 04 phần hụi chết chưa đóng ở lần khai hụi thứ 20, 21, 22 (đã hốt ở kỳ khai hụi lần 6, 7, 8, 9), số tiền hốt được 100.000đ.

2) Dây 2.000.000đ, 01 tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 20/10/2018 (âl) gồm có 20 phần, trong đó bà H tham gia 02 phần.

- Ngày 20/01/2019 (âl) bà H hốt 01 phần hụi (bà H bỏ số tiền hốt hụi là 350.000đ, trừ tiền một phần hụi sống là 1.650.000đ và tiền huê hồng 1.000.000đ/phần), số tiền hốt được 29.750.000đ.

- Đến ngày 20/5/2019 (âl), bà H hốt phần hụi thứ hai (bà H bỏ số tiền hốt hụi là 300.000đ, trừ tiền một phần hụi chết là 2.000.000đ và tiền huê hồng 1.000.000đ, trừ tiền bà H đến mua thuốc trừ sâu trực tiếp tại cửa hàng của bà L trong ngày nhận tiền hốt hụi của phần này với số tiền là 1.898.000đ; đồng thời, trừ tiền 02 phần hụi chết của dây hụi 2.000.000đ/tháng mở ngày 25/01/2018 (âl) (Dây hụi 1) với số tiền nợ là 4.000.000đ của 02 phần hụi chết chưa đóng ở lần khai hụi thứ 17 nhằm ngày 25/5/2019 âl), số tiền hốt được 25.500.000đ.

3) Dây 5.000.000đ, 01 tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 15/3/2019 (âl) gồm có 20 phần, trong đó bà H tham gia 02 phần.

- Ngày 15/3/2019 (âl) bà H hốt 01 phần hụi (bà H bỏ số tiền hốt hụi là 700.000đ, trừ tiền một phần hụi sống là 4.300.000đ và tiền huê hồng 2.000.000đ; trừ tiền 01 phần hụi chết của dây hụi 2.000.000đ/tháng mở ngày 20/10/2018 (âl) (Dây hụi 2) với số tiền nợ là 2.000.000đ của 01 phần hụi chết hốt ngày 20/01/2019 (âl) chưa đóng hụi chết ở lần khai hụi thứ 6 nhằm ngày 20/3/2019 (âl); đồng thời, trừ tiền 01 phần hụi sống của dây hụi 2.000.000đ/tháng mở ngày 20/10/2018 (âl) (Dây hụi 2) với số tiền nợ hụi sống là 1.700.000đ (người hốt hụi bỏ 300.000đ) của 01 phần hụi sống hốt ngày 20/3/2019 (âl) chưa đóng hụi sống ở lần khai hụi thứ 6 nhằm ngày 20/3/2019 (âl); trừ tiếp tiền 02 phần hụi chết của dây hụi 5.000.000đ/tháng mở ngày 19/7/2017 (âl) với số tiền nợ là 10.000.000đ của 02 phần hụi chết chưa đóng ở lần khai hụi thứ 21 nhằm ngày 19/3/2019 âl), số tiền hốt được 61.700.000đ.

- Đến ngày 15/5/2019 (âl), bà H hốt phần hụi thứ hai (bà H bỏ số tiền hốt hụi là 850.000đ, trừ tiền một phần hụi chết là 5.000.000đ và tiền huê hồng 2.000.000đ), số tiền hốt được 73.550.000đ.

Như vậy, tổng cộng 06 phần hối bà H hót được 223.310.000đ. Kể từ khi bà H hót hối đến nay, bà không đóng hối lại đầy đủ cho bà L, cụ thể Dây 1 còn nợ kỳ cuối chưa đóng 02 phần hối là 4.000.000đ, Dây 2 còn nợ 08 kỳ chưa đóng 02 phần hối là 32.000.000đ và Dây 3 còn nợ 13 kỳ chưa đóng 02 phần hối là 130.000.000đ, tổng cộng 166.000.000đ, nên bà L yêu cầu bà H, ông P có trách nhiệm liên đới trả số tiền bà đã đóng hối thay bà H, ông P là 166.000.000đ, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Tại phiên tòa, bà H thừa nhận có tham gia 03 dây hối, 02 phần/dây gồm Dây 1 loại hối 2.000.000đ mở ngày 25/01/2018 (âl), Dây 2 loại hối 2.000.000đ mở ngày 20/10/2018 (âl) và Dây 3 loại hối 5.000.000đ mở ngày 15/3/2019 (âl), thừa nhận các dây hối đến nay đã mãn và bà đã hót hối đầy đủ (02 phần/dây), còn thiếu nợ hối và số tiền nợ hối này bà H đồng ý theo 03 dây hối nêu trên, cụ thể Dây 1 là 4.000.000đ, Dây 2 là 32.000.000đ và Dây 3 là 90.000.000đ, tổng cộng 126.000.000đ, bà căn cứ và đề nghị xem xét tiền nợ hối này tại nội dung Tờ giấy ghi nhận việc giao nhận tiền hối đề ngày “5.2.2020” nhưng nội dung thể hiện trong tờ giấy này không cụ thể, rõ ràng về việc bà H đóng tiền hối cũng như số tiền hối mà bà H còn nợ bà L, đồng thời không có chữ ký xác nhận của bà L và bà H, không được sự thống nhất giữa hai bên, mặt khác bà H không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đóng hối chết cho bà L đầy đủ, hoặc phần nào đã đóng phần nào chưa. Thêm vào đó, người làm chứng bà Phan Thị D và bà Phan Thị G xác định, bà H có tham gia 02 phần hối loại hối 5.000.000đ mở ngày 15/01/2019 (âl), tức Dây hối 3, bà H đã hót xong 02 phần hối này ở lần khai hối thứ 01 và thứ 03, bà H đóng hối lại cho bà L như thế nào thì hai bà không biết. Do đó, việc bà H không thống nhất trả cho bà L số tiền còn thiếu Dây hối 3 là 130.000.000đ, mà đồng ý trả số tiền 90.000.000đ của 02 phần hối còn 09 lần chưa đóng hối chết là chưa có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi, vào ngày 15/10/2019 (âl), bà H có vay của bà L số tiền 80.000.000đ nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, tính đến ngày 28/12/2019 (âl) thì bà H nợ bà L tiền vốn là 80.000.000đ, tiền lãi là 5.840.000đ. Cùng ngày 28/12/2019 (âl), bà H đã trả cho bà L số tiền 81.000.000đ, trong đó tiền vốn 80.000.000đ, tiền lãi 1.000.000đ nên còn nợ tiền lãi chưa trả tính đến ngày 28/12/2019 (âl) là 4.840.000đ, bà L đồng ý giảm 40.000đ, yêu cầu bà H và ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ lãi 4.800.000đ, không yêu cầu tính lãi chậm trả. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà H, ông P có trách nhiệm liên đới trả tiền lãi của số tiền vay nêu trên theo quy định pháp luật, tiền lãi đã trả trừ vào tiền lãi, không yêu cầu tính lãi do chậm trả tiền; bà H thống nhất tự nguyện cùng ông P liên đới trả cho bà L số tiền nợ lãi còn thiếu theo quy định pháp luật.

Bà L thừa nhận bà H đã có trả lãi, cụ thể như sau: Từ ngày 15/10/2019 (âl) nhằm ngày 11/11/2019 (dl) đến ngày 28/12/2019 (âl) nhằm ngày 22/01/2020 (dl) trả lãi số tiền 1.000.000đ. Đồng thời, việc tính lãi được điều chỉnh theo mức lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm), cụ thể:

Tính lãi số tiền 80.000.000đ từ ngày 11/11/2019 (dl) đến ngày 22/01/2020 (dl):  $80.000.000đ \times 1,66\% \times 02 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 3.142.933đ$

Khấu trừ tiền lãi vào tiền đã trả:  $3.142.933đ - 1.000.000đ = 2.142.933đ$

Tổng cộng tiền nợ hội 166.000.000đ và tiền nợ lãi còn phải trả tiếp 2.142.933 là 168.143.000đ (lấy số tròn).

Về việc bà L yêu cầu ông P là chồng bà H có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả số tiền trên bà H đồng ý, vì việc chơi hội và vay tiền không phải là cá nhân bà H mà có liên quan đến ông P. Vì lúc bà H tham gia chơi hội và vay tiền thì ông P hay biết và bà H không tiêu xài cá nhân mà để vợ chồng có vốn làm ăn kinh tế gia đình, sử dụng vào mục đích chung trong gia đình. Thêm vào đó, khi bà H tham gia hội và vay tiền thì ông P là chồng bà có ở nhà, hai người vẫn còn là vợ chồng hợp pháp. Ông P thì không có ý kiến phản đối với yêu cầu liên đới cùng bà H trả nợ, cũng không có chứng cứ chứng minh ông không cùng bà H sử dụng và không sử dụng số tiền hội và tiền vay này vào mục đích chung trong gia đình.

Do đó, bà L yêu cầu bà H và ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ hội tổng cộng 166.000.000đ; tiền lãi của số tiền vay 80.000.000đ theo quy định pháp luật, tiền lãi đã trả trừ vào tiền lãi, là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi của tiền nợ hội 2.400.000 đồng, do bà L xin rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà L.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nên bà H, ông P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, các điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 1 Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Lý Thanh P liên đới trách nhiệm trả cho bà L số tiền 168.143.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà H, ông P liên đới trả số tiền 2.400.000đ.



Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Lý Thanh P liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.407.000đ.

Trả cho bà Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.330.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006878 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Đỗ Thị L và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lý Thanh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Trần Xuân Nữ**